

Số: **490**/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **09** tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ các Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và công dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y;

Căn cứ Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 0498/TTr-SNNMT ngày 17/12/2025 và Công văn số 326/SNNMT-CNTY ngày 13/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết và ký phê duyệt 19 thủ tục hành chính về lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Chi tiết danh mục các thủ tục hành chính được ủy quyền tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)



Điều 2. Thời hạn ủy quyền:

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn tại Mục A (Phụ lục) ban hành kèm theo Quyết định này kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành đến ngày 01/03/2027.

2. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn tại Mục B (Phụ lục) ban hành kèm theo Quyết định này kể từ ngày 31/12/2026 đến ngày 01/03/2027, theo quy định chuyển tiếp tại khoản 9 Điều 63 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.

3. Trường hợp trước thời điểm trên, các quy định của pháp luật có liên quan đến nội dung ủy quyền này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 3. Quy trình thực hiện thủ tục hành chính được ủy quyền phải tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật, quy chế một cửa, một cửa liên thông của tỉnh; đảm bảo việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả đúng hạn, đúng thành phần hồ sơ, không phát sinh thêm yêu cầu, điều kiện ngoài quy định.

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện:

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện các nội dung được ủy quyền theo đúng quy định của pháp luật.

2. Định kỳ hằng quý và hằng năm, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề đột xuất, phát sinh kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, chỉ đạo kịp thời.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này từ ngày ký. /.

Nơi nhận: 

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHC công tỉnh;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng V;
- Bảo Đắc Lắc, TTCN&CTTĐT tỉnh;
- Các phòng: TH, NNMT;
- Lưu: VT, NNMT (Q-05b).

CHỦ TỊCH



Tạ Anh Tuấn

Phụ lục
DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ
THÚ Y ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ỦY QUYỀN CHO GIÁM ĐỐC SỞ
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: **490** /QĐ-UBND ngày **09** / 02 /2026 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

STT	Số Hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
A. Danh mục TTHC uỷ quyền từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành			
I	Lĩnh vực Chăn nuôi		
1	1.008122	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Khoản 7 Điều 10 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP
2	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP
3	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP
4	1.011031	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP
5	1.011032	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP
6	3.000127	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	Khoản 6 Điều 10 Nghị định 136/2025/NĐ-CP;
7	3.000128	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	Khoản 6 Điều 10 Nghị định 136/2025/NĐ-CP
8	3.000129	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Khoản 6 Điều 10 Nghị định 136/2025/NĐ-CP
9	3.000130	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Khoản 6 Điều 10 Nghị định 136/2025/NĐ-CP
II	Lĩnh vực Thú y		

STT	Số Hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
1	1.004756	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP
2	1.004734	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP
3	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP
4	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP
5	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP
6	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP
7	1.011326	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm và vắc-xin)	Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP
		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm và vắc-xin)	Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP
		Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất	Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP

STT	Số Hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
		thuốc thú y dạng dược phẩm và vắc-xin)	
B. Danh mục TTHC uỷ quyền kể từ ngày 31/12/2026			
I	Lĩnh vực Chăn nuôi		
1	1.008125	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP
2	1.008124	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP
II	Lĩnh vực Thú y		
3	1.003703	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu	Khoản 8 Điều 10 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP

